

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-5-2021  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thái Hoà;
2. Bà Trương Thị Thìn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 221/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXX-ST ngày 19/3/2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: đội 5, xã T, huyện S, tỉnh Q; Địa chỉ cư trú: Tổ 16, Khu phố A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông **Ngô Cự Ng** sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Khu phố 3, phường Q, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:***

Vào năm 2006, bà và ông Ngô Cự Ng tự nguyện chung sống, có đám cưới nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện S, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 22/8/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã và không tôn trọng lẫn nhau. Bà đã nhiều lần hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cho đến nay hai bên không hoà giải được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tôi không còn tình cảm với ông Ng nên yêu cầu xin ly hôn với ông Ng.

- Về con chung: bà và ông Ng có 01 (một) con chung tên Ngô Gia H, sinh ngày 22/3/2018. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Tôi yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà và ông Ng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà M xác định không có nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

***Bị đơn ông Ngô Cự Ng đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án ( thông qua Văn phòng thừa phát lại Biên Hòa, trực tiếp đến Tòa nhận) như:*** Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận tranh chấp khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến làm việc nên không có lời trình bày.

Ngoài các chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: ông Ng không đến Tòa án làm việc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện không có thiện chí mong muốn hòa giải đoàn tụ. Hiện nay con chung còn nhỏ cần giao cho mẹ nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông Ng, giao con chung của ông Ng, bà M cho bà M nuôi dưỡng, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Ng vì bà M không có yêu cầu; không xem xét về tài sản chung, nợ chung do bà M không tranh chấp. Do ông Ng vắng mặt nên giành quyền khởi kiện một vụ án khác cho ông Ng nếu có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1]. Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:***

Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Ngô Cự Ng và yêu cầu nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định bà M là nguyên đơn, ông Ng là bị đơn. Căn cứ Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

***[2]. Về thẩm quyền giải quyết:*** Ông Ngô Cự Ng có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định yêu cầu khởi kiện của bà M thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

**[3]. Về thủ tục tố tụng khác:** Ông Ngô Cự Ng đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

**[4] Về nội dung tranh chấp:**

Bà Nguyễn Thị M và ông Ngô Cự Ng chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã T, huyện S, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 22/8/2016. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của bà M và ông Ng là hợp pháp.

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 22 tháng 3 năm 2021, Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài xác định không biết mâu thuẫn của bà M và ông Ng vì các đương sự không trình báo. Phía ông Ng không có lời khai nhưng xét thực tế ông Ng không có thiện chí đoàn tụ, thể hiện ông Ng và bà M không quan tâm yêu thương nhau và cả hai không hòa giải đoàn tụ được.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà M và ông Ng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Ngô Cự Ng.

Về con chung: Bà M khai giữa bà M, ông Ng có 01 (một) con chung là Ngô Gia H, sinh ngày 22/3/2018. Hiện nay cháu Hân còn nhỏ, bà M hiện công tác tại Phòng Hành chính – Tổng hợp của Đại Học X có thu nhập cao, ổn định (*bút lục 49*) xét nên giao con chung cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của ông Ng.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu giải quyết, ông Ng không có lời khai về nội dung này; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà M khai không có, ông Ng không có lời khai về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trường hợp sau này ông Ng có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án độc lập theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn ông Ngô Cự Ng về việc “Ly hôn”.

Cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Ngô Cự Ng.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc “tranh chấp về nuôi con”:

Giao con chung của bà M và ông Ng là cháu Ngô Gia H, sinh ngày 22/3/2018 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà M, ông Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà M tự thỏa thuận với ông Ng, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà M khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009756 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Cự Ng được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã T, huyện S, tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Huệ**

